

Bản án số: 208/2024/HS-ST  
Ngày: 08/7/2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bạch Phượng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh V, ông Nguyễn Hải Phùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Đông Đa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/2024/TLST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2024/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** **Trần Bích V**, sinh ngày 06 tháng 03 năm 1994 tại: Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKKHKT: Tổ x, phường L, quận H, thành phố H; Nơi cư trú: Số x L, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn C (đã chết); Con bà: Trần Thị H; Chồng: Bùi Quốc V; Có 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 000000245 do Công an quận Đ lập ngày 26/3/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/3/2024; Hủy lệnh tạm giữ ngày 23/3/2024.

Bị cáo tại ngoại áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**\*Người bị hại:** Chị Trần Thị Y, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 47 phố K, phường T, quận Đ, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2024, qua mạng xã hội, chị Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm: 1978; HKTT: 47 K, phường T, quận Đ, thành phố H) thuê Trần Bích V đến lau chùi, dọn dẹp nhà tại địa chỉ số 47 K, phường T, quận Đ, thành phố H. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, V đến gặp chị H để làm việc theo thỏa thuận. Quá trình làm việc, V quét dọn từ tầng 5 xuống tầng 2. Khi V mở cửa phòng tầng 2 bên tay trái theo hướng cầu thang từ dưới đi lên – phòng của gia đình chị Trần Thị Y (Sinh năm: 1991; là em dâu chị H) thì

phát hiện 02 con lợn tiết kiệm bằng sứ để ở trên kệ ti vi bên tay trái theo hướng đi vào phòng (01 con lợn màu hồng có họa tiết trang trí màu đen và 01 con lợn màu đỏ có họa tiết trang trí người nhện). Lợi dụng lúc không có người xung quanh, V đóng cửa lại và kiểm tra thấy có tiền bên trong nên V nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong 02 con lợn trên. V lấy chiếc móc treo quần áo trẻ con ở trước cửa phòng tầng 2 rồi uốn cong phần móc treo. Sau đó, V đứng ở cửa phòng để vừa canh chừng vừa dùng đầu móc treo quần áo móc tiền trong con lợn màu hồng. Khi lấy được hết tiền trong con lợn màu hồng thì V cho tất cả tiền đã lấy trộm vào túi bóng đen rồi buộc lại để ở cạnh thùng rác ở trước cửa phòng tầng 2, để con lợn vào vị trí cũ và đóng cửa phòng lại rồi tiếp tục dọn dẹp. Đến đầu giờ chiều cùng ngày, sau khi ăn trưa, V tiếp tục đến nhà chị H để lau dọn. Trong quá trình lau dọn, V tiếp tục xuống tầng 2 dùng móc treo quần áo để lấy trộm tiền trong con lợn tiết kiệm màu đỏ có họa tiết người nhện. Sau khi lấy được 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng và để vào túi tiền lúc sáng, V để con lợn vào vị trí cũ rồi cầm túi lên tầng 3 để giấu tiền vào người. V gấp đôi tiền lại và để ở bên trong áo trước bụng dưới. V đếm được số tổng số tiền đã lấy trộm được khoảng 70 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Sau đó V tiếp tục xuống tầng 2 để lấy tiền trong con lợn màu đỏ. V lấy được thêm 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng nhưng bị rách trong quá trình lấy, 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng thì thấy chị H đi từ tầng 1 lên. V vội tiền cất vào phía sau mông rồi cất con lợn vào vị trí cũ, tay V vẫn cầm móc áo và hai chiếc áo phông. Chị H thấy V có biểu hiện lén lút, nghi ngờ V trộm cắp tài sản nên yêu cầu kiểm tra người V và phát hiện V cất giấu tiền trong người. Tại chỗ, V thừa nhận đã lấy tiền trong hai con lợn tiết kiệm. Chị H kiểm đếm số tiền V lấy trộm được là 35.850.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Sau đó chị H đưa V đến Công an phường T để làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Trần Bích V khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Cơ quan Công an đã thu giữ của Trần Bích V:

- 01 (Một) móc quần áo bằng kim loại đầu móc biến dạng có kích thước khoảng 30cm.

- 35.850.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) bao gồm: 70 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có nếp gấp, các mép cong vênh, nhăn; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có nếp gấp, các mép cong vênh, nhăn; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng bị rách làm 02 mảnh.

Tại Cơ quan điều tra, chị Trần Thị Y trình bày: Chị Y có để 01 con lợn tiết kiệm trên kệ ti vi cạnh cửa ra vào phòng tầng 2 nhà số 47 K. Bên trong con lợn sứ màu hồng có họa tiết trang trí màu đen có khoảng 34.000.000 đồng, bên trong con lợn sứ màu đỏ có họa tiết trang trí người nhện có khoảng 5.000.000 đồng; bên trong 02 con lợn có các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng. Chiều ngày 14/3/2024, chị Y được chị H thông báo về việc Trần Bích V có hành vi lấy trộm tiền trong 02 con lợn tiết kiệm của chị Y. Sau khi kiểm tra, chị Y xác nhận số tiền bị mất trong 02 con lợn phù hợp với số tiền mà Trần Bích V đã lấy trộm được.

Cơ quan Công an đã tạm giữ của chị Y: 01 con lợn sứ màu hồng có họa tiết trang trí màu đen và 01 con lợn sứ màu đỏ có họa tiết trang trí người nhện.

Quá trình điều tra, xác định số tiền 35.850.000 đồng, 01 móc quần áo bằng kim loại đầu móc biến dạng có kích thước khoảng 30cm, 01 con lợn sứ màu hồng có họa tiết trang trí màu đen và 01 con lợn sứ màu đỏ có họa tiết trang trí người nhện là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Trần Thị Y. Tại Cơ quan điều tra, chị Y đề nghị được nhận lại 35.850.000 đồng, đề nghị không nhận lại 01 móc quần áo và 02 con lợn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Đ đã ra Quyết định trao trả lại số tiền 35.850.000 đồng cho chị Y. Chị Y đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 190/CT-VKSĐĐ ngày 30/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ đã truy tố Trần Bích V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Trần Bích V khai nhận hành vi như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ giữ quyền công tố sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bích V mức án tù 20 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 40 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Trần Thị Y đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không xét.

*Về vật chứng vụ án:* Cần tịch thu tiêu hủy 01 móc treo quần áo bằng kim loại và 02 con lợn sứ.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra - Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua xét hỏi, bị cáo Trần Bích V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/3/2024 tại tầng 2 số nhà 47 K,

phường T, quận Đ, thành phố H, Trần Bích V có hành vi lén lút trộm cắp số tiền là 35.850.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) của chị Trần Thị Y. Số tiền này đã được thu giữ và trả lại cho người bị hại. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Bích V đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp tài sản. Tài sản bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn (35.850.000 đồng). Như vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được xem xét khi lượng hình: Chưa tiền án, tiền sự; Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Phạm tội chưa gây thiệt hại (tài sản đã được thu hồi ngay trả cho người bị hại); Bị cáo có gia cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đông con và có chồng bệnh tật không lao động được. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và điều luật quy định Hội đồng xét xử thấy: Chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mà cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của Nhà nước, được cải tại ngoài xã hội với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên miễn hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Trần Thị Y đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên không xem xét.

*Về vật chứng vụ án:* 01 móc áo bằng kim loại và 02 con lợn sứ tiết kiệm không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

*Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và cùng với người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố bị cáo Trần Bích V** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Xử phạt bị cáo Trần Bích V 18 (mười tám) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giao bị cáo Trần Bích V về Ủy ban nhân dân phường L, quận H, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trường hợp bị cáo Trần Bích V thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Bích V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Bích V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại chị Trần Thị Y đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không xét.

*Về vật chứng vụ án:* Tịch thu tiêu hủy 01 móc quần áo kim loại đầu móc biến dạng có kích thước khoảng 30cm; 01 con lợn sứ màu hồng có họa tiết trang trí màu đen; 01 con lợn sứ màu đỏ có họa tiết trang trí người nhện. Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, theo biên bản giao nhận vật chứng số 224 ngày 10/6/2024.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận :**

- VKSND quận Đ;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THA quận Đ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Bạch Phượng**